

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2019/HN-ST**

Ngày: 13/11/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1995. (Có mặt)

HKTT: Ấp 11 A, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Hiện cư trú: Ấp Hưng Lâm, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Anh Bùi Văn B, sinh năm: 1992. (Có mặt)

Cư trú: Ấp 11 A, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau:** Chị và anh B quen biết và tìm hiểu nhau trước khi tiến đến hôn nhân. Tổ chức đám cưới nhau vào năm 2013 và đã được UBND xã Đông Hưng B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm thuê tại khu phố 3, thị trấn Thứ 11 được vài tháng, khi chị N có thai được khoảng năm tháng thì chị về sống với mẹ ruột chị N tại ấp Hưng Lâm, xã Đông Hưng, huyện An Minh đến khi con chị được 02 tuổi thì vợ chồng đi Bình Dương làm thuê.

Trong thời gian chung sống tại ấp Hưng Lâm, chị và anh B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không chung thủy, anh đi làm có khi 02, 03 ngày mới về nhà một lần vào buổi tối, khi về nhà thì anh không quan tâm đến vợ con, nên cuộc sống vợ chồng dần dần mất hạnh phúc.

Đến năm 2016, vì thương con nên chị cố gắng hàn gắn tình cảm với anh B để cùng nhau chăm lo cho con nên anh chị đi Bình Dương làm thuê. Nhưng khi đến Bình Dương thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, anh B ghen tuông vô cớ và dùng những lời lẽ xúc phạm chị, đánh đập chị và dọn ra ngoài thuê phòng trọ sống riêng, nên khoảng tháng 6/2017 anh chị ly thân nhau cho đến nay.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Ngọc Nh, sinh ngày 05/7/2014. Cháu đang chung sống cùng chị N từ khi tôi và anh B ly thân đến nay.

- *Về tài sản chung*: Không có tranh chấp.

- *Về nợ chung*: Không có tranh chấp.

Chị N yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn B.

- *Về con chung*: Yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bùi Ngọc Nh, sinh ngày 05/7/2014, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn B trình bày và yêu cầu như sau*: Qua lời trình bày của chị N về ngày vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có 01 con chung hiện nay đang chung sống cùng chị N, tài sản chung và nợ chung không tranh chấp là đúng sự thật.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh là do chị N không chung thủy, khi vợ chồng cự cãi thì có lần N đi ngủ qua đêm đến sáng hôm sau mới về nhà. Anh không có đánh đập chị N, khi còn chung sống với chị N ở ấp Hưng Lâm, anh vẫn chăm lo cho vợ con, mặc dù vợ chồng có cự cãi Nhưng không có mâu thuẫn gì lớn.

Hiện nay anh còn rất thương vợ con anh không đồng ý ly hôn với N. Anh bỏ qua lỗi lầm tiếp tục chung sống với chị N để chăm lo cho con, nếu chị N cương quyết ly hôn, anh B có ý kiến như sau:

- *Về con chung*: Yêu cầu được nuôi cháu Bùi Ngọc Nh, sinh ngày 05/7/2014, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa*:

- *Chị N yêu cầu*: Được ly hôn với anh Bùi Văn B; yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- *Anh B*: Không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con không yêu cầu chị N cấp dưỡng, tài sản và nợ không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu ly hôn và được tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng của chị N có cơ sở chấp nhận;

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn B là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị N khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp 11A, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh B chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn UBND xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/7/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh B, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy giữa anh chị thường

xuyên cứa cãi với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không cùng quan điểm sống.

Qua lời trình bày của anh chị trong quá trình giải quyết cũng Nh tại phiên tòa thấy rằng anh chị chung sống cùng nhau từ năm 2013 Nhng không có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau dẫn đến việc thường anh chị thường xuyên cứa cãi và dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ tháng 6/2017 đến nay mà anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, không có biện pháp để hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình Nhng chị N cương quyết ly hôn với anh B.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị N được ly hôn với anh B.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị N và anh B xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Nh, sinh ngày 05/7/2014 và hiện nay cháu Thư đang chung sống cùng chị N (*từ tháng 6/2017 đến nay*).

Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N và anh B. HĐXX xét thấy, cháu Thư được chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục từ tháng 6/2017 đến nay thì cháu Thư vẫn phát triển về thể chất và sinh hoạt bình thường, chị N có công việc và nơi ở ổn định bảo đảm việc học hành cho cháu Nh.

Đối với yêu cầu được nuôi con của anh B thì lời trình bày của anh B thấy rằng công việc của anh B thường xuyên phải tăng ca, việc nuôi cháu Nh đều phải phụ thuộc vào người em gái của anh B ở cùng phòng trọ với anh chăm sóc. HĐXX xét thấy, anh B có yêu cầu nuôi con Nhng anh không có nơi ở ổn định, không có thời gian để trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Nh sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển và cũng đảm bảo việc học tập cho cháu Nh.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N và đề nghị của đại diện viện kiểm sát, tiếp tục giao cháu Nh cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Việc chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, chị N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh B xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn B.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao cháu Bùi Ngọc Nh, sinh ngày 05/7/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, chị N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Nguyễn Thị N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006442 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị N không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/11/2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã **Đông Hưng B.**
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh